

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày 23-7-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan; ông Ngô Văn Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - chức vụ: Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyễn - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 30/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1990. Địa chỉ: tổ dân phố 4, xã E, tỉnh Đắk Lắk (trước đây là thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk). (Có mặt)

- Bị đơn: Bà H Meo N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Buôn M, xã E1, tỉnh Đắk Lắk (trước đây là xã K1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk). (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nhau nên vào ngày 27/03/2024, bà H Meo N có gọi cho tôi và đề nghị mua chung 01 lô đất của ông Nguyễn Đại T, sinh năm 1994 (địa chỉ: xã E, tỉnh Đắk Lắk) gồm 02 thửa đất: Thửa đất số 627, tờ bản đồ số 80, diện tích: 237,6m², Ký hiệu GCN: DN 502817; Thửa đất số 628, tờ bản đồ số 80, diện tích: 233,1m², Ký hiệu GCN: DN 502816. Các thửa đất này đều tọa lạc tại xã E, tỉnh Đắk Lắk với số tiền là 400.000.000 đồng, ông T bớt 2.000.000 đồng, nên tổng số tiền phải trả ông T là 398.000.000 đồng.

Ngày 27/03/2024, bà H Meo N có chuyển khoản cho tôi số tiền 210.000.000 đồng vào số tài khoản được tôi mở tại Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch K tài khoản số 13074527 của tôi để góp tiền mua chung.

Tôi góp 190.000.000 đồng và ngày 29/03/2024 tôi đã chuyển khoản cho bà H Meo N lại 10.000.000 đồng vào số tài khoản ngân hàng N - Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch K tài khoản số 444555888 mang tên H Meo N để hai bên góp vốn đều 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Ngày 27/03/2024, thì ông T làm ủy quyền hai lô đất trên cho tôi tại Phòng công chứng số 02 tỉnh Đắk Lắk với lý do: Bà H Meo N nói “đồng ý cho chị đứng tên trên hợp đồng ủy quyền và tìm khách bán lại, em cam kết trong vòng 10 ngày dù bán được hay không cũng sẽ trả lại chị 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền hoa hồng và 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc” nên tôi đã đồng ý, vì số tiền góp của tôi là tôi đi mượn. Sau đó H Meo N không bán được đất và trong khoảng thời gian 10 ngày, tôi đều hối thúc H Meo N bán đất vì tôi cần tiền nhưng H Meo N trả lời không bán được. Sau đó H Meo N có nói “Chị sang tên cho em rồi em đi vay tiền trả lại cho chị 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) gốc và 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) lợi nhuận.

Tới ngày 16/04/2024, tôi đã hoàn tất chuyển nhượng thành công hai lô đất trên qua tên H Meo N (thể hiện trên GCNQSDĐ). Tôi liên tục thúc giục bà H Meo N vay tiền để trả cho tôi nhưng bà H Meo N chỉ trả tôi lắt nhắt, không đúng số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) của tôi, và ngày 15/05/2024 bà H Meo N có viết giấy hẹn nợ tôi đến 30/05/2024 sẽ trả đủ số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên đến hạn H Meo N vẫn chưa trả số tiền trên cho tôi nên ngày 19/6/2024 H Meo N viết lại giấy hẹn nợ với tôi có nội dung: “Hôm nay ngày 19 tháng 06 năm 2024 Tôi H Meo N còn nợ 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) hẹn khoảng 30/06/2024 thanh toán đủ cho chị H (Trần Thị Thanh H) có chữ ký, chữ viết của bà H Meo N”. Đến hạn trả nợ ngày 30/6/2024 thì H Meo N vẫn không thực hiện đúng như cam kết.

Đến nay tôi được biết bà H Meo N đã thế chấp 02 QSDĐ liên quan đến thửa đất số 627, tờ bản đồ số 80, diện tích: 237,6m², Ký hiệu GCN: DN 502817 và thửa đất số 628, tờ bản đồ số 80, diện tích: 233,1m², Ký hiệu GCN: DN 502816 tại Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch K để vay với số tiền là 250.000.000đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), thời điểm vay tại Ngân hàng là vào ngày 22/04/2024, sau đó bà H Meo N còn tiếp tục dùng 02 lô đất trên để nhận đặt cọc của bà Trần Thị C, sinh năm 1981, trú tại Thôn 5, xã E, tỉnh Đắk Lắk với số tiền là 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Trong khi đó, bà H Meo N liên tục hẹn tôi rất nhiều lần về việc trả tiền cho tôi nhưng bà đều không thực hiện đúng cam kết. Mà bà H Meo N chỉ mới thanh toán cho tôi số tiền khoảng 120.000.000đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), còn nợ lại khoảng 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng), và làm ảnh hưởng đến uy tín của tôi. Do quyền lợi của tôi bị xâm phạm nên tôi đã có đơn khởi kiện bà H Meo N đến Tòa án với nội dung: Buộc bà H Meo N phải trả cho tôi số tiền gốc còn nợ lại là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), 10.000.000 đồng tiền hoa hồng như đã cam kết và 48.000.000 đồng tiền lãi phát sinh.

Tuy nhiên sau khi Tòa án thụ lý vụ án, tôi đã kiểm tra đối chiếu lại số tiền mà bà H Meo N đã trả cho tôi thì thực tế bà đã trả được cho tôi tổng số tiền là 148.000.000 đồng nên số tiền gốc hiện bà còn nợ lại tôi là 52.000.000 đồng và tổng

tiền lãi là 26.534.795 đồng (mức lãi tính 20%/năm, lãi tính theo từng lần trả nợ). Nên tôi xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của mình. Chỉ yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc bà H Meo N phải trả cho tôi (Trần Thị Thanh H) tổng số tiền 78.534.795 đồng, trong đó: số tiền gốc còn lại 52.000.000 đồng, tiền lãi là 26.534.795 đồng; Đối với tổng số tiền còn lại 59.465.205 đồng (gồm các khoản: số tiền gốc còn lại 28.000.000 đồng, 10.000.000 đồng tiền hoa hồng và 21.465.205 đồng tiền lãi suất) thì không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của tôi đối với bà H Meo N đối với tổng số tiền còn lại 59.465.205 đồng

Nguyễn vọng của tôi là đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc bà H Meo N phải trả cho tôi tổng số tiền là 78.534.795 đồng (Bảy mươi tám triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng), trong đó: số tiền gốc còn lại 52.000.000 đồng, tiền lãi là 26.534.795 đồng.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

** Tại bản tự khai, bị đơn bà H Meo N khai:* Tôi với bà Trần Thị Thanh H có địa chỉ tại tổ dân phố 4, xã E (trước đây là thị trấn E1, huyện E), tỉnh Đắk Lắk có mối quan hệ quen biết nhau.

Trong quá trình quen biết nhau, vào ngày 27/3/2024 tôi với bà H có góp tiền để mua chung lô đất của ông Nguyễn Đại T, sinh năm 1994 (địa chỉ: xã E, tỉnh Đắk Lắk) gồm 02 thửa đất: Thửa đất số 627, tờ bản đồ số 80, diện tích: 237,6m² theo GCNQSDĐ số DN 502817 do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện K cấp ngày 14/3/2024 và Thửa đất số 628, tờ bản đồ số 80, diện tích: 233,1m² theo GCNQSDĐ số DN 502816 do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện K cấp ngày 14/3/2024. Các thửa đất đều tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đều được cấp cho ông Nguyễn Đại T. Ông Nguyễn Đại T chuyển nhượng các thửa đất trên cho chúng tôi với giá là 400.000.000 đồng. Do đó, tôi và bà H mỗi người đã góp là 200.000.000 đồng/người. Mục đích chúng tôi cùng góp chung là mua nhằm bán lại kiếm lời.

Như vậy, số tiền mà chúng tôi đã nhận chuyển nhượng đất của ông T là 400.000.000 đồng. Quá trình giao dịch thì ông T bớt cho chúng tôi 2.000.000 đồng nên số tiền chúng tôi đã trả cho ông T là 398.000.000 đồng. Để trả tiền mua đất của ông T, thì ngày 27/03/2024 tôi đã chuyển khoản cho bà H tổng số tiền 210.000.000 đồng (trong đó 200.000.000 đồng là tiền góp mua đất chung và 10.000.000 đồng là bà H mượn của tôi). Số tiền trên được tôi chuyển vào tài khoản số 13074527 mang tên Trần Thị Thanh H, tài khoản này được bà H mở tại Ngân hàng TMCP A. Như vậy, bà H góp 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) và bà mượn thêm của tôi 10.000.000 đồng cho đủ số tiền góp 200.000.000 đồng. Sau đó ngày 29/03/2024 bà đã chuyển khoản trả lại cho tôi lại 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào tài khoản mang tên của tôi số 444555888 được tôi mở tại Ngân hàng TMCP N.

Sau khi góp tiền mua đất của ông Nguyễn Đại T thì ngày 16/4/2024 các quyền sử dụng đất trên đã được đăng ký biến động pháp lý mang tên tôi H Meo N. Hai thửa đất mà tôi và bà H góp tiền mua chung thì hiện nay các quyền sử dụng đất này chưa bán được, chưa chuyển nhượng được cho bất cứ ai và hiện đang được tôi thế chấp

cho Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch K vào ngày 02/1/2025 để vay số tiền 250.000.000 đồng.

Khi góp tiền để mua đất chung thì giữa chúng tôi không có thỏa thuận với nhau về việc chia tiền hoa hồng. Do các thửa đất mà tôi và bà H góp tiền mua chung đã đứng tên của tôi nhưng tôi chưa chuyển nhượng được cho người khác nên tôi với bà H thống nhất số tiền 200.000.000 đồng bà H góp chuyển thành tiền tôi vay nợ bà H. Và ngày 15/5/2024 giữa tôi với bà H có xác lập với nhau “Giấy nợ tiền” cụ thể tôi nợ bà H với số tiền 200.000.000 đồng liên quan đến thửa đất số 627, 628 đều thuộc tờ bản đồ 80 có chữ ký, chữ viết của tôi. Theo giấy hẹn nợ đến 30/05/2024 sẽ trả đủ số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên đến hạn tôi vẫn chưa trả số tiền trên nên ngày 19/6/2024 tôi có viết lại giấy hẹn nợ cho bà H với nội dung: “Hôm nay ngày 19 tháng 06 năm 2024 Tôi H Meo N còn nợ 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) hẹn khoảng 30/06/2024 thanh toán đủ cho chị H (Trần Thị Thanh H) có chữ ký, chữ viết của tôi (H Meo N)”.

Quá trình vay thì tôi đã trả lại được cho bà H 148.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng). Và còn nợ bà H là 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng), đối với tiền lãi thì chưa trả.

Tuy nhiên sau đó bà Trần Thị Thanh H đã khởi kiện tôi đến Tòa án với nội dung: Buộc tôi (H Meo N) phải trả cho bà Trần Thị Thanh H số tiền còn nợ 80.000.000 đồng, 10 triệu đồng tiền hoa hồng và 48.000.000 đồng tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Với toàn bộ nội dung khởi kiện trên thì tôi chỉ đồng ý trả số tiền gốc còn lại 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng) và tiền lãi suất với tổng số tiền là 26.534.795 đồng; đối với tiền hoa hồng 10.000.000 đồng và tiền lãi suất còn lại 21.465.205 đồng thì tôi hoàn toàn không đồng ý.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, bà H Meo N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là không vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 220, Điều 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh H.

Buộc bà H Meo N phải trả cho bà Trần Thị Thanh H tổng số tiền 78.534.795 đồng (Bảy mươi tám triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng), trong đó: tiền gốc còn lại 52.000.000 đồng, tiền lãi là 26.534.795 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh H đối với tổng số tiền 59.465.205 đồng (gồm 28.000.000 đồng tiền gốc, 10.000.000 đồng tiền hoa hồng và 21.465.205 đồng tiền lãi suất) mà bà H không yêu cầu bà H Meo N phải trả nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn vào đơn khởi kiện của bà Trần Thị Thanh H Tòa án đã thụ lý về việc “Kiện đòi tài sản” tuy nhiên Hội đồng xét xử xác định đây là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà H Meo N đăng ký nhân khẩu thường trú tại xã E1 (trước đây là xã K, huyện K), tỉnh Đắk Lắk. Nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk (trước đây là Tòa án nhân dân huyện K) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh H đối với bà H Meo N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Quá trình làm việc tại Tòa án, cả nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H và bị đơn bà H Meo N đều thừa nhận: Vào ngày 27/03/2024, bà H Meo N với bà Trần Thị Thanh H có góp tiền mua đất chung của ông Nguyễn Đại T đối với thửa đất số 627, tờ bản đồ số 80, diện tích: 237,6m² theo GCNQSDĐ số DN 502817 do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện K (nay là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk - Chi nhánh K) cấp ngày 14/3/2024 và thửa đất số 628, tờ bản đồ số 80, diện tích: 233,1m² theo GCNQSDĐ số DN 502816 do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện K (nay là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk - Chi nhánh K) cấp ngày 14/3/2024. Các thửa đất đều tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk), mỗi bên góp 200.000.000 đồng. Sau khi góp tiền mua đất chung thì các thửa đất này đã được đăng ký biến động pháp lý sang tên bà H Meo N nhưng sau đó bà chưa chuyển nhượng cho người khác được và bà đã đem thế chấp cho Ngân hàng nên giữa bà H Meo N với bà H cùng thống nhất số tiền 200.000.000 đồng mà bà H đã góp thành tiền bà H Meo N vay nợ bà H. Nên ngày 15/5/2024 bà H Meo N đã xác lập “Giấy nợ tiền” đối với bà H, với số tiền là 200.000.000 đồng liên quan đến thửa đất số 627, 628 đều thuộc tờ bản đồ 80 có chữ ký, chữ viết của bà H Meo N. Theo giấy nợ tiền, thì đến ngày 30/05/2024 bà H Meo N sẽ trả đủ số tiền 200.000.000 đồng cho bà H. Tuy nhiên đến hạn bà vẫn chưa trả số tiền trên nên ngày 19/6/2024 bà có viết lại giấy hẹn nợ cho bà H có nội dung: “Hôm nay ngày 19 tháng 06 năm 2024 Tôi H Meo N còn nợ 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) hẹn khoảng 30/06/2024 thanh toán đủ cho chị H (Trần Thị Thanh H) có chữ ký, chữ viết của tôi (H Meo N). Như vậy các

bên đều thừa nhận có việc góp vốn chung sau chuyển đổi thành quan hệ vay tiền, đây là những tình tiết được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Qua xem xét Giấy nợ tiền đề ngày 15/5/2024 thì thấy thời hạn bà H Meo N hẹn trả cho bà H là ngày 30/5/2024 nhưng đến ngày hẹn trả thì bà chưa có tiền để trả cho bà H nên ngày 19/6/2024 bà H Meo N có viết lại giấy hẹn nợ cho bà Trần Thị Thanh H. 02 lần bà H Meo N viết Giấy nợ tiền của bà H thì các giấy này đều có chữ ký, chữ viết của bà H Meo N. Xem xét các giấy nợ tiền trên thì thấy: Việc giao kết hợp đồng (giấy nợ tiền) giữa bà H với bà H Meo N là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội. Đến thời hạn trả nợ theo cam kết giữa hai bên thì bên vay bà H Meo N chưa trả đầy đủ số tiền đã vay cho bà H mà tính đến ngày 20/12/2024 bà mới chỉ trả được cho bà H tổng cộng 148.000.000 đồng tiền gốc (với 18 lần trả), còn lại 52.000.000 đồng bà chưa trả và được bà H Meo N thừa nhận. Như vậy, bà H Meo N đã vi phạm thời hạn trả nợ vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó, bà Trần Thị Thanh H đã khởi kiện đối với bà H Meo N là có cơ sở.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác”.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh H. Buộc bị đơn bà H Meo N phải trả cho bà Trần Thị Thanh H số tiền gốc đã vay còn lại là 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng).

[2.3] Về lãi suất: Sau khi nộp đơn khởi kiện, trong quá trình làm việc thì bà Trần Thị Thanh H chỉ yêu cầu bà H Meo N phải trả cho bà H tổng số tiền lãi là 26.534.795 đồng (mức lãi tính 20%/năm, lãi tính theo từng lần trả nợ). Làm việc tại Tòa án (thể hiện tại BL 37) bà H Meo N đồng ý trả số tiền lãi là 26.534.795 đồng cho bà H.

Như vậy, tổng số tiền vay gốc còn lại và tiền lãi suất mà bà H Meo N phải trả cho bà Trần Thị Thanh H là 78.534.795 đồng (Bảy mươi tám triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng).

[3] Đối với tổng số tiền 59.465.205 đồng (gồm: 28.000.000 đồng số tiền gốc còn lại, 10.000.000 đồng tiền hoa hồng và 21.465.205 đồng tiền lãi suất) trong quá trình làm việc tại Tòa án thì nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu bà H Meo N phải trả số tiền này nữa. Xét thấy việc nguyên đơn đã tự nguyện rút một phần yêu cầu, việc rút yêu cầu là phù hợp quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với tổng số tiền 59.465.205 đồng của bà Trần Thị Thanh H đối với bà H Meo N.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn bà H Meo N phải chịu 3.927.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo mức tính: (78.534.795 đồng x 5% = 3.927.000 đồng (làm tròn số). Tuy nhiên, căn cứ vào đơn xin miễn tiền án phí của bị đơn bà H Meo N sinh năm 1993 thì bà người dân tộc thiểu số (dân tộc Ê Đê), cư trú ở Buôn M, xã K1 (nay là xã E1) là thôn, buôn đặc biệt khó khăn của xã E1 (trước đây là xã K1, huyện K) nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Vì vậy, bà H Meo N được miễn nộp số tiền 3.927.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Thanh H số tiền 3.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Đăk Lăk) theo biên lai thu số 0003156 ngày 14/4/2025.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đăk Lăk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 220, Điều 244, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 24, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh H.

Buộc bà H Meo N phải trả cho bà Trần Thị Thanh H tổng số tiền là 78.534.795 đồng (Bảy mươi tám triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng), trong đó: tiền gốc còn lại 52.000.000 đồng, tiền lãi là 26.534.795 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh H đối với tổng số tiền 59.465.205 đồng (gồm 28.000.000 đồng tiền gốc, 10.000.000 đồng tiền hoa hồng và 21.465.205 đồng tiền lãi suất) mà bà H không yêu cầu bà H Meo N phải trả nữa.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà H Meo N được miễn nộp số tiền 3.927.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Thanh H số tiền 3.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Đăk Lăk) theo biên lai thu số 0003156 ngày 14/4/2025.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 - Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh